

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH N ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ - PT
Ngày: 15 - 4 - 2022
V/v tranh chấp: Chia tài sản chung
sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH N ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai H
Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh N Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh N Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị PH Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐXXPT – HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Thôn TG, xã LM, huyện VB, tỉnh NĐ. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Tấn – Luật sư văn phòng luật sư Ngọc Tấn và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Công N, sinh năm: 1984
Địa chỉ: Xóm ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh NĐ. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Đức Th, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Xóm Trung Thôn, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định. Vắng mặt.

2. Ông Đỗ Công N, sinh năm: 1948.

Địa chỉ: xóm Cộng Hoà, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định. Có mặt.

3. Anh Phạm Xuân Đ, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: xóm Cộng Hoà, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định. Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Công K, sinh năm: 1969 và bà Nguyễn Thị Tuyền, sinh năm: 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Công K: Bà Nguyễn Thị Tuyền. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xóm Cộng Hoà, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định.

5. Ông Nguyễn Mạnh L, sinh năm: 1958 và bà Đỗ Thị Sáu, sinh năm: 1962.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Sáu: Ông Nguyễn Mạnh L. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xóm Cộng Hoà, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định.

- *Người làm chứng:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N, chi nhánh huyện Ý Yên, Bắc N Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Vinh – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

2. Chị Lã Thị Thu, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: xóm Cộng Hoà, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định. Vắng mặt.

3. Ông Phạm Xuân Hải, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: xóm Cộng Hoà, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Đỗ Công N (là bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2021; Bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Chị H kết hôn với anh Đỗ Công N ngày 05/01/2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H làm đơn xin ly hôn với anh N. Tại Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên và tại Bản án số: 19/2020/HNGĐ-PT ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N Định đã xử lý hôn giữa chị và anh N; về quan hệ chia tài sản hai bên chưa đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, giữa chị và anh N không tự tH lượng, thoả thuận giải quyết được với nhau về việc phân chia tài sản chung và công nợ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết những tài sản sau:

- Thổ đất diện tích 400,2 m² (gồm 200 m² đất ở, 200,2 m² đất vườn) thuộc thửa đất số: 206, tờ bản đồ số: 33, tọa lạc tại xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H và anh N. Thửa đất này vợ chồng anh chị mua đất của vợ chồng anh Phạm Thành An vào năm 2018 với giá 280 triệu đồng, số tiền này lấy từ số tiền bán nhà đang ở được 140 triệu đồng và tiền vợ chồng tích lũy cũng như vay mượn thêm, riêng bố mẹ chị cho anh chị 40 triệu đồng. Sau khi mua xong, cũng năm 2018 anh chị đã vượt lập, đổ móng, xây nhà và dựng 01 nhà mái tôn 01 tầng trên mảnh đất 400,2 m² nêu trên để ở và làm xưởng mộc.

- 01 máy đục và phụ kiện đi kèm mua năm 2019 có giá là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), 01 xe máy Air – Blade biển kiểm soát 18 D1 – 327.55 đứng tên anh Đỗ Công N. Hiện các tài sản trên đang do anh N quản lý, sử dụng.

- Về công nợ chung:

Vay nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Ý Yên Bắc N Định – Phòng Giao dịch làng nghề Yên Ninh số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Nay anh N đã thanh toán hết với tổng số tiền cả gốc và lãi là 340.715.071 đồng.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh N và chị H có vay của vợ chồng bà Đỗ Thị Sáu và ông Nguyễn Mạnh L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyền và ông Đỗ Công K 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), các khoản vay này là vay không tính lãi.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia: Đối với tài sản chung là thửa đất chị yêu cầu Tòa án chia hiện vật để mẹ con chị có chỗ ăn ở, sinh sống, các tài sản chung khác hiện anh N đang quản lý sử dụng chị yêu cầu chia cho chị bằng tiền. Đối khoản tiền anh N đã thanh toán trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Ý Yên Bắc N Định – Phòng Giao dịch làng nghề Yên Ninh là 340.715.071 đồng, chị sẽ trả một nửa khoản tiền trên cho anh N và đề nghị Tòa án chia mỗi người chịu trách nhiệm trả một nửa khoản vay của vợ chồng bà Đỗ Thị Sáu và ông Nguyễn Mạnh L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyền và ông Đỗ Công K 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Đối với các khoản vay nợ anh N khai: anh N và chị có cho anh Phạm Xuân Đ (là em trai của chị) vay 01 cây 02 chỉ vàng + 70.000.000 đồng và các khoản vay nợ 477.000.000 đồng anh N khai đó là tiền anh mua gỗ của anh Thuận và khoản tiền 180.000.000 anh N khai của ông Đỗ Công N cho vợ chồng anh chị vay năm 2019 cũng như việc anh N khai ông Ninh có cho riêng anh N 140.000.000 đồng để vợ chồng mua đất chị không công nhận và chị không biết các khoản vay nợ trên. Anh N và chị mua đất là dùng số tiền lấy từ số tiền bán nhà đang ở được 140 triệu

đồng và tiền vợ chồng tích lũy cũng như vay mượn thêm, riêng bố mẹ chị cho anh chị 40 triệu đồng để mua. Anh N và chị không phải vay mượn ai cũng như không có ai tặng, cho anh N hoặc chị tiền, vàng, ... để anh N và chị thêm vào mua, nhận chuyển nhượng nhà đất nêu trên. Bản thân anh N không biết chữ cho nên các giấy biên nhận vay tiền chị phải là người ký nhận vì chị là người biết chữ chứ không phải anh N là người ký nhận nên khoản nợ này chị không chấp nhận là khoản nợ chung của vợ chồng. Đối với bản ảnh tin nhắn mà chị Thu cung cấp, chị không có việc nhắn tin với nội dung trên với chị Thu.

** Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn anh Đỗ Công N trình bày:* Anh công nhận giữa anh và chị H có những tài sản chung và các khoản nợ chung đúng như chị H đã trình bày. Tuy nhiên, các khoản vay của vợ chồng bà Đỗ Thị Sáu và ông Nguyễn Mạnh L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyền và ông Đỗ Công K 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) các khoản vay này theo anh N là vay có tính lãi.

Ngoài những tài sản chung và nợ chung mà chị H khai anh N còn khai bổ sung như sau: Nguồn gốc thửa đất hiện nay anh đang ở, chị H và anh cùng mua của anh Phạm An vào khoảng năm 2018 với giá 280.000.000 đồng, trong đó tiền vợ chồng anh chị có 140.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng là tiền của bố đẻ anh là ông Đỗ Công N cho riêng anh (việc tặng cho này không có giấy biên nhận), sau đó chị H và anh làm thủ tục sang tên và giấy CNQSDĐ này mang tên chị H và anh. Ngoài ra vào năm 2019, ông Đỗ Công N có cho anh và chị H 04 lần vay với số tiền tổng cộng là 180.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn với lãi suất 0,7%/tháng. Các lần vay này do quan hệ gia đình nên cũng không có giấy tờ gì biên nhận. Vào cuối năm 2018, anh và chị H có cho anh Phạm Xuân Đ (là em trai của chị H), sinh năm 1993, địa chỉ ở xóm Cộng Hoà, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định vay 01 cây 02 chỉ vàng (lần I, giá trị thành tiền vào thời điểm đó là 60.000.000 đồng) và 70.000.000 đồng (lần II). Do tin tưởng anh Đạt là em trai chị H nên khi cho vay không làm giấy tờ gì, khi cho anh Đạt vay chỉ nói miệng với nhau, lúc đó chỉ có anh, chị H và anh Đạt biết. Anh và chị H còn vay của anh Bùi Đức Th (địa chỉ: xóm Trung Thôn, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định) tổng số tiền 794.000.000 đồng, trong đó tiền mua gỗ năm 2019 còn nợ lại là 477.000.000 đồng. Do chỗ anh Bùi Đức Th là người quen biết nên không viết giấy biên nhận gì. Quá trình lấy gỗ từng lần thì anh N có kí vào sổ nợ của ông Thuận chứ không có chữ kí của chị H. Khoản vay 300.000.000 đồng, là khoản tiền cá nhân anh N vay của anh Thuận vào cuối năm 2020 để trả tiền anh N, chị H đã vay của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Ý Yên và rút giấy CNQSDĐ thửa đất số: 206, tờ bản đồ số: 33, tọa lạc tại xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định đưa cho anh Thuận giữ, quản lý để làm tin. Lãi suất là 1%/ tháng = 3.000.000 đồng/tháng. Nợ lãi khoản tiền vay anh Thuận này đến ngày 14/7/2021

là 17.000.000 đồng.

Quan điểm của anh N: Về thửa đất diện tích 400,2m², đề nghị bán toàn bộ diện tích đất, nhà tôn để giải quyết trả nợ, số tiền còn lại chia theo công sức đóng góp, anh được hưởng 2/3 số tài sản. Tài sản còn lại: 01 máy đục và phụ kiện, 01 xe máy Airblade BKS 18D1-37225, khoản tiền 70.000.000 đồng và 01 cây 02 chỉ vàng, đề nghị chia đôi, anh xin nhận hiện vật và trả cho chị H giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền mặt. Đối với khoản nợ chung, anh đề nghị chia đôi, mỗi người có trách nhiệm thanh toán một nửa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh Bùi Đức Th trình bày:* Trong năm 2019, anh N có đến nhà anh mua gỗ làm nhiều lần tổng số còn nợ lại là 477.000.000 đồng (anh N có ký vào sổ nợ của anh Thuận) khoản nợ này anh không tính lãi ngoài ra vào ngày 24/01/2021, anh có cho anh N vay 300.000.000 đồng để anh N trả nợ ngân hàng để rút giấy CNQSDĐ đưa cho anh Thuận. Cả gốc và lãi tính đến ngày 14/7/2021 là 317.000.000 đồng. Các lần vay nợ này chị H có biết hay không thì anh cũng không biết vì anh chỉ giao dịch với mình anh N. Nay anh yêu cầu anh N và chị H có trách nhiệm trả cho anh số tiền tổng cộng là 794.000.000 đồng.

- *Ông Đỗ Công N trình bày:* Vào năm 2019, ông không nhớ cụ thể ngày tháng năm, ông có cho chị H và anh N vay làm 04 lần tổng cộng là 180.000.000 đồng lãi suất theo ngân hàng 0,7%/tháng. Các lần vay này do là chỗ bố con nên không có giấy biên nhận nợ gì cả và cũng không có ai biết sự việc trên. Nay ông yêu cầu anh N và chị H trả cho ông khoản vay trên tổng cộng là 180.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông còn khai thêm vào năm 2018, anh N, chị H mua đất mà hiện nay anh N, chị H đã làm nhà lợp tôn để ở thì ông có cho riêng anh N số tiền 140.000.000 đồng để anh N, chị H mua đất trên. Tuy nhiên, do chỗ bố con nên ông không làm giấy tờ xác nhận sự việc trên và không có chứng cứ nào khác. Ông đề nghị Tòa án giải quyết việc trên theo quy định của pháp luật.

- *Bà Nguyễn Thị Tuyền trình bày:* Ngày 06/8/2019 chị H có vay vợ chồng bà số tiền là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) mục đích là dùng tiền mua miếng đất bên cạnh nhà và thỏa thuận lãi suất là 0,7% /1 tháng tương đương 420.000 đồng việc vay này có làm giấy xác nhận có chữ ký của bà và chị H. Nay bà yêu cầu anh N và chị H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và số nợ lãi.

- *Ông Nguyễn Mạnh L trình bày:* Ngày 24/3/2019 chị H có vay vợ chồng ông số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) mục đích là trả tiền mua đất và thỏa thuận lãi suất là 200.000 đồng/1 tháng việc vay này ông có ghi vào sổ có chữ ký xác nhận của chị H. Nay ông yêu cầu anh N và chị H có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và ông không yêu cầu trả nợ lãi.

- *Anh Phạm Xuân Đ trình bày:* Việc anh N khai vào cuối năm 2018, anh N và chị H có cho anh vay 01 cây 02 chỉ vàng và 70.000.000 đồng là không đúng, anh khẳng định giữa anh với chị H, anh N từ trước đến nay không liên quan gì đến việc vay nợ.

- *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N, chi nhánh huyện Ý Yên, Bắc N Định có quan điểm:* Ngày 19/9/ 2019, chị H và anh N có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 039693 thuộc thửa đất số: 206, tờ bản đồ số: 33, tọa lạc tại xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh N Định tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N, chi nhánh huyện Ý Yên Bắc N Định – Phòng Giao dịch làng nghề Yên Ninh để vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3214 – LAV- 201903706. Đến nay khoản vay này đã tất toán với số nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tổng số tiền lãi của khoản nợ là 40.715.071 đồng, anh N đã lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay chị H và anh N không còn liên quan gì đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N, chi nhánh huyện Ý Yên, Bắc N Định.

Đối với việc ông Đỗ Công N khai trong năm 2019 có đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N, chi nhánh huyện Ý Yên rút tiết kiệm 02 lần mỗi lần 50 triệu đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N, chi nhánh huyện Ý Yên cung cấp: Trong năm 2019, ông Đỗ Công N có đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N, chi nhánh huyện Ý Yên rút tiết kiệm 01 lần số tiền rút là 50.052.900 đồng vào ngày 06/9/2019.

** Người làm chứng:*

- *Chị Lã Thị Thu (chị dâu anh N) có quan điểm:* Vào khoảng đầu năm 2020, chị và chị H nhắn tin nói chuyện qua nền tảng Messenger của mạng xã hội Facebook có tên trang cá nhân là “Phạm H” đến tài khoản Facebook có tên trang cá nhân là “Thu Lã” có nội dung là cậu Đạt vay 70 triệu đồng với 01 cây vàng và vay bà Tuyền 60 triệu, Sáu Lực 20 triệu và cụ Nho 30 triệu, vay Ngân hàng 300 triệu đồng thời chị có nộp bản ảnh in từ máy điện thoại cho Tòa án. Chị Thu khai những nội dung tin nhắn trên là từ tài khoản Facebook “Phạm H” chứ chị không chắc chắn người nhắn tin cho chị có phải chính xác là chị Phạm Thị H nhắn tin cho chị không, chị Thu cũng không cung cấp được văn bản xác nhận xuất xứ của chứng cứ này cũng như các văn bản về sự việc liên quan đến đoạn tin nhắn này.

- *Ông Phạm Xuân Hải (là bố đẻ chị H) có quan điểm:* Khi anh N và chị H kết hôn, ông bà có cho vợ chồng 01 lắc đeo tay vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 nhẫn 2 chỉ vàng, 02 hoa tai vàng tổng cộng là 07 chỉ vàng và 20 triệu đồng tiền mặt để vợ chồng anh N và chị H có vốn làm ăn. Năm 2009, ông Ninh (bố đẻ anh N) có cho vợ chồng anh N, chị H 2 thước đất ở trong làng giáp chùa tại xóm Cộng Hòa, xã Yên Tiến còn vợ chồng ông cho anh N, chị H 20 triệu để làm nhà cấp 4

khi đó vợ chồng bắt đầu làm xưởng mộc, lúc này chị H cùng anh N cùng làm nghề mộc. Năm 2018, anh N, chị H bán nhà đang ở được 140 triệu đồng và chuyển sang mua đất của vợ chồng anh Phạm Thành An vào năm 2018 với giá 280 triệu đồng, cụ thể số tiền này lấy từ số tiền bán nhà và tiền vợ chồng tích lũy cũng như vay mượn thêm riêng vợ ông bà có cho anh N, chị H 40 triệu đồng, khi anh N, chị H mua thổ đất này ông Ninh không cho vợ chồng khoản tiền nào. Sau khi mua xong vợ chồng lợp nhà mái tôn, mua máy đục từ tiền của hai vợ chồng. Vợ chồng hoà thuận làm ăn đến đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bắt đầu độc lập về kinh tế, chị H chuyển sang làm ở công ty may ở khu công nghiệp Bảo Minh còn anh N vẫn làm mộc tại nhà. Mặc dù ở chung nhà nhưng anh N, chị H không quan tâm đến nhau thường xuyên mâu thuẫn anh N cứ thường xuyên ban đêm sau khi uống rượu về đánh đập vợ con. Đến cuối năm 2019 chị H không chịu được đã bỏ về nhà ông bà ở sau đó vợ chồng ly hôn.

Tại phiên toà:

* Anh Đỗ Công N và chị Phạm Thị H đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Anh N và chị H thống nhất:

- Chia cho anh N nhận sở hữu, sử dụng 171,4m² đất ở thuộc thửa đất số: 206, tờ bản đồ số: 33 (có tổng diện tích 400,2 m²) tọa lạc tại Xóm ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/8/2019 đứng tên chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường dài 15,10m; phía Đông giáp ngõ dài 11,34m; phía N giáp đất chia cho chị Phạm Thị H dài 13,3m; phía Tây giáp hộ ông Văn dài 12,75m.

- Chia cho chị Phạm Thị H nhận sở hữu, sử dụng 228,8m² đất (trong đó gồm: 28,6m² đất ở, 200,2m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số: 206, tờ bản đồ số: 33 (có tổng diện tích 400,2 m²) tọa lạc tại Xóm ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/8/2019 đứng tên chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất chia cho anh N dài 13,3m; phía Đông giáp ngõ dài 18,9m; phía N giáp đất hộ bà Toan dài 8,86m; phía Tây giáp hộ ông Đào và ông Văn gồm 02 đoạn dài: 8,64 m + 11,94m. Chị H được hưởng toàn bộ tài sản gắn liền trên phần đất được chia, gồm: 01 nhà mái lợp tôn trong đó có phòng ngủ, bếp, nhà vệ sinh diện tích sử dụng 132,50m² và sân bán mái lợp tôn diện tích 83,50m².

- Chia cho anh N sở hữu, sử dụng 01 máy đục và phụ kiện đi kèm trị giá 110.000.000 đồng; 01 xe máy Air – Blade biển kiểm soát 18D1 – 327.55 đứng tên anh Đỗ Công N trị giá 15.000.000 đồng (hiện các tài sản trên đang do anh N quản lý, sử dụng).

- Chị H nhận trách nhiệm trả khoản nợ chung anh N, chị H vay của vợ chồng bà Đỗ Thị Sáu, ông Nguyễn Mạnh L là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu

đồng) và vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyền, ông Đỗ Công K là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

- Số tiền vay nợ ngân hàng trong phần nợ chung phải trả là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) chia đôi, mỗi người chịu một nửa như án sơ thẩm đã tuyên.

- Số tiền vay anh Lê Đức Thuận trong đó có khoản nợ chung là 317.000.000 đồng là số tiền anh N vay để trả nợ cho ngân hàng chia đôi mỗi người chịu một nửa. Chị H đã nhất trí trả một nửa tiền vay ngân hàng là 170.000.000 đồng nên hai bên không đề nghị Toà án xem xét.

- Số tiền anh N khai vay của ông Đỗ Công N (là bố đẻ anh N) 180.000.000 đồng do không có căn cứ nên anh N không có ý kiến gì và không đề nghị toà án xem xét.

- Tổng số nợ chị Phạm Thị H phải thanh toán cho anh Đỗ Công N là 261.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu đồng).

* Đại diện VKS trình bày quan điểm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà, anh Đỗ Công N và chị Phạm Thị H đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thoả thuận của anh N và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của anh Đỗ Công N và chị Phạm Thị H.

[2] Về án phí: Căn cứ: Điều 13, 15, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc anh Đỗ Công N phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Công N và chị Phạm Thị H đều có đơn đề nghị xin được giảm một phần tiền án phí phải nộp vì đang nuôi con nhỏ, do bị ảnh hưởng của dịch covid, hoàn cảnh gia đình khó khăn; đơn có xác nhận của chính

quyền địa pH. Hội đồng xét xử xét và giảm cho anh N, chị H một phần tiền án phí phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự; Sửa bản án sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Xác định tài sản chung của chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N gồm:

- Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 33, có tổng diện tích 400,2 m² tọa lạc tại: Xóm ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/8/2019 mang tên chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N.

- 01 máy đục và phụ kiện đi kèm trị giá 110.000.000 đồng

- 01 xe máy Air – Blade biển kiểm soát 18D1 – 327.55 đứng tên anh Đỗ Công N trị giá 15.000.000 đồng.

(Hiện các tài sản trên đang do anh N quản lý, sử dụng).

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N:

- Chia cho anh Đỗ Công N nhận sở hữu, sử dụng 171,4m² đất ở thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại: Xóm ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND; có trị giá 514.200.000 đồng (Năm trăm mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Ranh giới đất: Phía Bắc giáp đường dài 15,10m; phía Đông giáp ngõ dài 11,34m; phía N giáp đất chia cho chị Phạm Thị H dài 13,3m; phía Tây giáp hộ ông Văn dài 12,75m.

- Chia cho chị Phạm Thị H nhận sở hữu, sử dụng 228,8m² đất (trong đó: 28,6m² đất ở, 200,2m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại: Xóm ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND; có trị giá 486.200.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Ranh giới đất: Phía Bắc giáp đất chia cho anh N dài 13,3m; phía Đông giáp ngõ dài 18,9m; phía N giáp đất hộ bà Toan dài 8,86m; phía Tây giáp hộ ông Đào và ông Văn gồm 02 đoạn (dài 8,64 m + 11,94m).

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

- Chị H được sở hữu toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền trên phần đất được chia, gồm: 01 nhà mái lợp tôn trong đó có phòng ngủ, bếp, nhà vệ sinh diện tích sử dụng 132,50m² và sân bán mái lợp tôn diện tích 83,50m²; trị giá công trình trên đất là 182.303.000 đồng.

- Chia cho anh N sở hữu, sử dụng 01 máy đục và phụ kiện đi kèm trị giá 110.000.000 đồng; 01 xe máy Air – Blade biển kiểm soát 18D1 – 327.55 đứng tên anh Đỗ Công N trị giá 15.000.000 đồng.

- Chị H nhận trách nhiệm trả khoản nợ chung anh N, chị H vay của vợ chồng bà Đỗ Thị Sáu, ông Nguyễn Mạnh L là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyền, ông Đỗ Công K là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

- Số tiền vay, trả nợ ngân hàng cả gốc và lãi là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) chia đôi, mỗi người chịu một nửa.

- Anh Đỗ Công N có trách nhiệm trả cho anh Bùi Đức Th số tiền là 794.000.000 đồng (Trong đó nợ riêng của anh N là 477.000.000 đồng và nợ chung của vợ chồng là 317.000.000 đồng).

Khoản nợ chung của vợ chồng là 317.000.000 đồng, là số tiền anh N vay anh Thuận để trả nợ cho ngân hàng. Khoản trả nợ vay ngân hàng đã được chia đôi nên hai bên không đề nghị toà án xem xét.

- Số tiền anh N khai vay của ông Đỗ Công N (là bố đẻ anh N) 180.000.000 đồng do không có căn cứ nên anh N không có ý kiến gì và không đề nghị toà án xem xét.

- Chị Phạm Thị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đỗ Công N số tiền là 261.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu đồng).

Anh Đỗ Công N được nhận thanh toán chênh lệch tài sản từ chị Phạm Thị H với số tiền là 261.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Buộc anh Bùi Đức Th có trách nhiệm trả lại cho anh Đỗ Công N và chị Phạm Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 206, tờ bản đồ số 33 (có tổng diện tích 400,2 m²) tọa lạc tại: Xóm ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/8/2019 đứng tên chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N.

4. Buộc anh Đỗ Công N phải có trách nhiệm giao lại cho chị Phạm Thị H diện tích đất chia cho chị Phạm Thị H theo quyết định của bản án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Chị Phạm Thị H, anh Đỗ Công N có trách nhiệm kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được chia theo quyết định của bản án tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí:

Căn cứ: Các Điều 13, 15, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí chia tài sản: Anh Đỗ Công N phải nộp 10.870.000 đồng (Mười triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Chị Phạm Thị H phải nộp 10.870.000 đồng (Mười triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001795 ngày 05-7-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H còn phải nộp 5.870.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ riêng: Anh Đỗ Công N phải nộp 11.540.000 đồng (Mười một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Công N phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006033 ngày 23-9-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, anh N đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh N Định;
- TAND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Minh Hồng

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai H Nguyễn Đức Cảnh

Mai Thị Minh Hồng